THƠ CHỮ HÁN PHAN HUY ÍCH: CẢM HỨNG VỀ THẾ SỰ, TỔ QUỐC VÀ KHÁT VỌNG NHÀN TẢN

Lê Văn Tấn, Bùi Thị Lan Hương

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: *Phan Huy Ích (1751-1822) là một trong những tác giả lớn của văn học trung đại Việt Nam. Ông có tham gia khoa cử và làm quan với triều Lê nhưng đắc lộ dưới triều Tây Sơn với vị trí cao nhất là Thượng thư bộ Lễ. Ông để lại tổng số 531 bài thơ chữ Hán với nội dung phong phú, đa dạng. Qua thơ chữ Hán, tác giả đã có dịp thể hiện một cái nhìn thế sự tích cực; gửi gắm, ký thác tâm sự của một nhà nho hành đạo luôn nhiệt thành với triều chính, đất nước cũng như thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của một thi nhân hướng về thiên nhiên với khát vọng nhàn tản, đó cũng thực chất là những suy tư của kẻ sĩ về thế sự, tổ quốc và nỗi niềm thân phận cá nhân ông. Bài viết đề cập đến ba phương diện nội dung chính của Phan Huy Ích: Cảm hứng về thế sự; cảm hứng về tổ quốc và khát vọng nhàn tản. Từ đó, thơ chữ Hán của ông đã trở thành nơi gửi gắm và ký thác những cảm hứng tư tưởng mang giá trị không chỉ của một thời đại mà nó đã và sẽ mãi mãi là nỗi niềm đồng cảm của kẻ sĩ muôn đời.*

Từ khóa: *Phan Huy Ích, thơ chữ Hán, văn học trung đại, cảm hứng thế sự, cảm hứng tổ quốc, cảm hứng thân phận.*

Nhận bài ngày 28.3.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 22.4.2021

Liên hệ tác giả: Lê Văn Tấn; Email: tanlv0105@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Nhà nho Phan Huy Ích sống vào nửa sau thế kỷ XIII, nửa đầu thế kỷ XIX (1750-1822), tự Khiêm Thụ Phủ, Chi Hòa, hiệu Dụ Am, Đức Hiên. Ông người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An, nay thuộc xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; là con trai đầu của Phan Huy Cẩn và là em rể danh sĩ Ngô Thì Nhậm. Cùng với Nguyễn Thiếp và Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích là một trong ba gương mặt được lịch sử nhắc đến là những sĩ phu yêu nước và thức thời với nhận thức, tầm nhìn, phép ứng xử linh hoạt mà không phải nho sĩ nào cũng có được (ngoài ra cũng có thể kể tới một số tên tuổi khác như Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Ninh Tốn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tấn,…). Thời đại của Phan Huy Ích là thời đại có nhiều biến động khiến cho sự lựa chọn của kẻ sĩ không

phải không có những lúng túng. Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần đầu với dang nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh" nhưng sau đó do phải giải quyết nhiều việc Đàng Trong nên anh em Quang Trung lại trở về Nam. Trịnh Bồng tiếp tục lên ngôi chúa và Phan Huy Ích được ban chức Đô cấp sự trung, kiêm Thiêm sai tri phiên ở phủ Chúa. Sau đó ông tiếp tục được làm đốc thị ở Nghệ An, kiêm tán lý quân vụ Thanh Nghệ, được sai đi đánh dẹp Nguyễn Hữu Chỉnh nhưng bị bắt và nhờ người quen biết hết sức cứu giúp, ông mới được tha. Khoảng cuối năm 1787, nhân sự kiện Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc giết Nguyễn Hữu Chỉnh, đuổi vua Lê Chiêu Thống, Phan Huy Ích tìm đường lánh ẩn ở Sài Sơn. Đợi tới khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lần hai thì Phan Huy Ích mới cùng với một số nho sĩ thức thời lúc đó (Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tuấn,…) được tiến cử và trọng dụng, nhất là công việc bang giao với nhà Thanh lúc bấy giờ. Đặc biệt, năm 1790, Phan Huy Ích nhận nhiệm vụ đi sứ phương Bắc và trên tư cách của một trọng thần, ông đã hoàn thành sứ mệnh của mình, một mặt vẫn luôn tỏ ra kính trọng với vua nhà Thanh song mặt khác vẫn luôn giữ được thể diện và chủ trương ngoại giao đúng đắn của vua Quang Trung.

Năm 1792 Phan Huy Ích được thăng chức Thị trung ngự sử ở tòa Nội các. Đây là khoảng thời gian mà ông được vua Quang Trung đặc biệt trọng dụng. Tiếc là thời gian như thế quá ngắn ngủi bởi ngay sau khi Quang Trung mất, Quang Toản nối ngôi, mặc dù Phan Huy Ích vẫn được giao trông nom công việc ngoại giao với các nước láng giềng song trong triều bọn Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền khiến nội bộ mất đoàn kết, tướng lĩnh, đại thần xích mích, dè chừng lẫn nhau. Năm 1801, Nguyễn Ánh chiếm được Phú Xuân thì năm 1802, Phan Huy Ích bị bắt cùng với Ngô Thì Nhậm và Nguyễn Thế Lịch. Đến tháng 2 năm 1803, Phan Huy Ích bị đánh đòn ở Văn Miếu, sau đó được tha về. Cùng năm đó, ông đã tìm đường ẩn cư ở Sài Sơn. Năm 1814 ông chuyển về Hà Tĩnh dạy học và năm 1822, Phan Huy Ích qua đời, hưởng thọ 73 tuổi. Dưới thời vua Lê chúa Trịnh, sự nghiệp của Phan Huy Ích không có gì đáng kể. Phải đợi tới thời Tây Sơn, với sự tin dùng, trọng dụng của Quang Trung, tài năng và tâm huyết của ông mới có dịp phát huy. Đóng góp đáng kể nhất của Phan Huy Ích đối với triều đại này là các công việc nội trị quốc gia và đặc biệt là công tác ngoại giao với láng giềng. Ông xứng đáng được coi là một nhà ngoại giao tài giỏi của lịch sử trung đại Việt Nam và cần có những công trình nghiên cứu chuyên biệt về đóng góp của ông trên phương diện này. Trong một bối cảnh lịch sử - xã hội hết sức đặc biệt như trên, nhà nho với những ảnh hưởng của hệ tư tưởng đặc thù và truyền thống như trường hợp Phan Huy Ích và bè bạn ông, việc lựa chọn một con đường hành đạo, một thái độ nhập cuộc, xét đến cùng cũng không hẳn đã dễ dàng gì. Sự lựa chọn của Phan Huy Ích trên thực tế đã cho thấy cái nhìn cấp tiến, sự linh hoạt và những tham chiếu quan điểm giá trị rất riêng của ông. Đó là những điểm hết sức đáng trân trọng khi bàn về ông.

2. NỘI DUNG

Sự nghiệp sáng tác của Phan Huy Ích khá đồ sộ. Ngay từ những năm 1770, ông đã có các tập thơ như *Nam trình tạp vịnh, Cẩm trình kỷ hứng, Thang châu lữ hứng, Vân Sơn khiển hứng, Tinh sa kỷ hành, Cúc thu bách vịnh, Nam trình tục tập, Vân du tùy bút,…* Tuy nhiên văn bản của các tập thơ này đều đã thất lạc. Cuối đời, Phan Huy Ích mới sai con cháu thu

thập xếp thành một tập, đặt tên là *Dụ Am ngâm lục*. Nhưng văn bản tập thơ tới nay chỉ còn lại khoảng 600 bài mà thôi. Nổi bật và xuyên suốt trong toàn bộ thơ chữ Hán Phan Huy Ích chính là cảm hứng của ông hướng về thế sự, về những vấn đề liên quan tới đất nước, dân tộc, triều đại và số phận của người dân đương thời. Nguồn cảm hứng ấy được thi nhân bày tỏ, khi thì trực tiếp, khi thì gián tiếp song một mực thủy chung và nhiệt thành với tấm lòng của một nho sĩ hành đạo luôn đặt lợi ích của quốc gia, triều đại lên trên hết.

Bên cạnh nguồn cảm hứng lớn hướng về thế sự, tổ quốc, một bộ phận sáng tác khác của ông đan xen nỗi niềm cá nhân của một con người trầm mặc, ưu tư với mong muốn được nghỉ ngơi, tiêu du, nhàn tản sau những bận rộn quan trường. Tất cả tạo nên sự toàn vẹn những phương diện vẻ đẹp rất riêng của thơ chữ Hán Phan Huy Ích trong dòng thơ ca loại hình tác giả nhà nho hành đạo trong lịch sử văn học trung đại Việt Nam.

2.1. Cảm hứng hướng về thế sự

Trong tựa tập thơ, Phan Huy Ích viết: "*Thơ là để nói chí hướng. Bậc sĩ quân tử lúc nhàn rỗi miêu tả tâm tình, ghi lại hành trạng, thường thường biểu hiện ra thiên chương truyền lại cho người sau, dùng làm niên phả để lại dài lâu. Đó thực là kho báu trong nhà, đâu chỉ để phô bày ý tứ văn vẻ, phẩm bình phong vật mà thôi?*"[1] Điều này đã được thể hiện một cách sáng rõ trong thơ chữ Hán của ông. Cái chí hướng như tác giả nói cũng là chí hướng của nho sĩ nói chung thời trung đại: chí hướng kinh bang tế thế, tinh thần tự nhiệm và khát vọng được phục vụ, cống hiến cho triều đại, cho đấng quân vương, cho người dân lúc bấy giờ. Qua thơ ông, trước hết chúng ta sẽ bắt gặp một con người luôn luôn vững tin vào sự lựa chọn của bản thân:

… Nho thanh khế ngộ hà tân cựu,
Giao đạo tư thành tự cổ câm.
Thượng đãi Hán đô liên bích nhật,
Luận văn phương kiến đại hung khâm.
(*Tặng Hoạch Trạch Nhữ Tôn Trai*)
(… Thanh khí nhà nho há phân biệt cũ mới,
Tình nghĩa bạn bè giúp nhau là việc thường xưa nay.
Chờ ngày sánh vai ở kinh đô nhà Hán,
Bàn luận văn chương sẽ thấy hoài bão lớn của nhau).
(*Tặng Nhữ Tôn Trai, người làng Hoạch Trạch*)

Khi được sung vào chức Tả Mạc (chức quan nhỏ giúp việc một viên quan to), Phan Huy Ích không hề tỏ ra chán nản mà vẫn phơi phới nhận nhiệm vụ, coi công việc đó như là một bước chuẩn bị cho những công việc lớn sẽ tới sau này. Và đây là tâm trạng của ông khi lên đường nhận nhiệm vụ:

Thông thông cầm hạc phát Thanh Trì,

[1] Ban Hán Nôm, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Thơ văn Phan Huy Ích*, tập 1 (gồm 3 tập), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.35. Trích dẫn thơ Phan Huy Ích trong bài viết chúng tôi đều lấy từ bộ sách này.

Tiếu chỉ trần anh cự tiết vi.

Văn khóa nhất niên ưu trụ giám,

Hoạn giai bát phẩm tá thừa ty.

Ngưu đao thả thí tầm thường sự,

Bằng dực tu khan phấn tấn thì.

Ngã hiệu Chi Hòa hy Liễu Hạ,

Tiểu quan Liễu Hạ diệc hà ti.

(***Quý tỵ thu phụng thăng Sơn Nam xứ Tả mạc, đăng trình phó nhậm ngẫu đắc***)

(Mang đàn hạc vội vàng từ Thanh Trì lên đường,

Cười chỉ cái giải mũ bụi nói đành làm chức nhỏ.

Văn chương suốt năm đứng đầu các giảm sinh,

Chức quan bát phẩm chỉ làm người giúp việc.

Dao giết trâu hãy thử làm việc tầm thường,

Cánh chim bằng đợi xem lúc phấn chấn.

Ta hiệu Chi Hòa, mong thư Liễu Hạ Huệ,

Liễu Hạ có từ chối chức quan nhỏ đâu.

(*Mùa thu năm Quý Tỵ (1773) được thăng chức Tả mạc xứ Sơn Nam, khi lên đường nhậm chức ngẫu nhiên làm bài thơ*)

Được diện kiến vua Quang Trung, Phan Huy Ích hết mực cảm động, coi đó như dịp hiếm có ở đời, nhất là lại được cùng vua ứng đối kế trị nhậm quốc gia trong cơn binh hỏa:

Thân khấu vân hôn, tử cực đường,

Chinh cơ lịch lịch giá trường đường.

Thừa minh, Tuyên thất xu bồi địa,

Thiên Bảo, Quyền A, tấu đối chương.

Sài lũy phong sa liên Nhật Lệ,

Hương hà triều tịch tự Thai Dương.

Niên lai lũ tác, quân thiều mộng,

Vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương.

(Tự tay gõ cửa cung mây, vào nơi điện tía,

Cưỡi ngựa giong ruổi mãi trên đường dài.

Nơi lui tới là nhà Thừa minh, Tuyên thất,

Chương tấu đối là thơ Thiên Bảo, Quyền A.

Gió cát Lũy Thày liền cửa Nhật Lệ,
Thủy triều sông Hương từ sông Thái Dương.
Mấy năm nay hằng mơ được nghe nhạc Quân, nhạc Thiều,
Những ngóng trông người đẹp đã xa thăm thẳm một phương trời).

Trong thời gian làm quan cho triều Lê - Trịnh cũng như triều Tây Sơn sau này, mặc dù chưa đắc dụng song người đọc có thể bắt gặp hình tượng của một con người luôn luôn sẵn sàng xả thân vì nghĩa cả, không từng quản ngại khó khăn, gian khổ. Tâm niệm của ông về việc mang ơn đối với triều đại đương thời khi mình được làm việc chính là một nét đẹp trong nhân cách của kẻ sĩ hành động. Đây là cảm xúc của ông khi phụng mệnh đi về phía Nam:

Tân tiến vi thần hạ đặc tri,
Viễn tương tinh tiết phó Nam thùy.
Nhung cơ tối hệ bang gia trọng,
Hành sắc đa mông vũ lộ thi.
Phong bệ hồng mô bằng chỉ thụ,
Sa trường tân cảnh thí tuân ti.
Hiểu tâm cánh đắc yêu thần chiếu,
Động Hải biên quan yến tụ thì.
(***Phụng mệnh Nam hành***)
Kẻ bề tôi nhỏ mới thăng được đặc biệt biết tới,
Mang cờ tiết đến vùng biên cương phương Nam xa.
Quân cơ là việc rất hệ trọng của nước nhà,
Đi đường nhiều khi được thấm nhuần ơn mưa móc.
Mưu lược to lớn nơi thềm phong nhờ trên dặn bảo,
Tin lành mới mẻ ở sa trường hãy thử thăm hỏi.
Lòng nhiều may lại được vua soi xét đến,
Sẽ vui vầy yến tiệc ở cửa ải Động Hải.
(*Vâng mệnh vua đi về phía Nam*)

Trong khi đi hầu cha, chứng kiến cảnh nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến phi nghĩa, Phan Huy Ích chạnh nghĩ về tài hèn sức mọn của mình trong khi gánh cương thường vẫn đè nặng hai vai:

Sơn hà phá toái điếm quan thường,
Cùng hạng cơ nhân cảm niệm trường.
Tiễn liệt lực nan xanh tạo hóa,

Bôn bô thân diệc hệ cương thường.
Cô thần thể quốc tần minh kiếm,
Nghịnh lữ bồi thân kỷ phụng trường.
Trung hiếu phiến hoài thiên tứ giám,
Tảo ly gian trở xuất khang trang.
(***Quốc sự gia tình giao cảm tác***)
Non sông tan tác, mũ áo nhơ nhuốc,
Kẻ lữ khách trong ngõ hẻm nghĩ ngợi miên man.
Sức hèn kém khó chống trời khỏi sụp,
Thân chạy trốn vẫn nặng gánh cương thường.
Bề tôi lo nước vẫn thường vỗ kiếm,
Đất khách hầu cha, ít được dâng chén.
Tấm lòng trung hiếu trời có soi xét,
Sớm qua bước gian nan lên đường thanh thản.
(*Ghi cảm xúc về việc nước tình nhà*)

Trên đường đến Lạng Sơn, thấy phong quang đẹp đẽ, mùa màng tươi tốt, Phan Huy Ích cũng đã kịp thời ghi lại:

Chi Lăng bắc thượng, bích sơn liên,
Bồng kính thâm thâm kiến táo yên.
Giá sạn, nhân gia thê lĩnh bạn,
Kiên đồng man nữ cấp khê biên.
Sóc hàn tảo chí, sương mai địa,
Thu thục tân sam, cốc ủy điền.
Thử tắng tửu can, ca Thổ ngữ,
Hoang tu hàm lạc, thái bình niên.
(***Lạng Sơn đạo trung ký kiến***)
Từ Chi Lăng trở lên bắc, núi biếc liên tiếp nhau,
Đường cỏ thăm thẳm thấy khói bếp.
Nhà dân bắc sàn lưng chừng núi,
Cô gái vác ống múc nước bên khe.
Lạnh phương bắc đến sớm, sương dầm mặt đất,
Lúa thu chín mới gặt, thóc để ngoài đồng.

Cơm lam, rượu cần, hát bài ca tiếng Thổ,

Nơi xa hẻo lánh, vui cảnh thái bình.

(*Cảnh thấy trên đường Lạng Sơn*)

Chứng kiến cảnh mất mùa hạn hán hay lũ lụt cuốn trôi nhà cửa hoa màu, đồng ruộng lầy lội, khiến người nông dân rơi vào cảnh không nhà cửa, đói kém, tha phương cầu thực… nhà thơ một mặt thể hiện niềm cảm thông đối với bà con, song mặt khác đã cảm khái mà nghĩ về cái lẽ thịnh suy, dịch biến ở đời:

Kinh trung hữu nhân tùng Bắc lai,

Truyền thuyết dân gian thủy giáng tai.

Nhị thập dư huyện vọng như hải,

Thao thao bạch lãng vô tân nhai…

Tận tương hồng trạch ủy ngư uyên,

Âm lệ phi thường kham chuật dịch.

Ta ta dân mệnh chế hổ thiên,

Hoàng lưu bất đặc thượng nguyên thủy…

(***Kinh Sơn Nam thượng lộ cụ tuân thu sơ thủy tai ngẫu thành***)

(Trong kinh có người từ bắc vào,

Kể chuyện dân gian bị lụt lớn.

Hơn hai mươi huyện trông như biển,

Mênh mông sóng bạc không bến bờ…

Biển cả tổ chim thành vực cá,

Khí nặng khác thường thật đáng ghê.

Than ôi! Mệnh dân do trời định,

Nước to nào phải chỉ thượng nguồn…)

(*Thơ làm khi về qua trấn Sơn Nam thượng hỏi rõ được tình hình trận lụt đầu mùa thu*)

Đặc biệt cảm động là những vần thơ Phan Huy Ích viết để hoài niệm về Quang Trung Nguyễn Huệ. Ở đó sẽ lưu lại mãi mãi nỗi niềm trống vắng không gì có thể bù đắp, không phải cho cá nhân ông mà chính là mơ ước một viễn cảnh huy hoàng thời vua sáng tôi hiền cứ mờ dần, nhòa dần:

…Hạc ảnh hoành không tinh Xích Bích,

Cùng thanh bán dạ động Âu Dương.

Bồi hồi bất tận hoài thu tứ,

Trực dục kim thu đạt tứ phương.

(… Bóng hạc ngang trời, tỉnh mộng Xích Bích,
Tiếng dế nửa đêm, chạnh lòng Âu Dương.
Tình nhớ thu hồi hồi khôn xiết,
Chỉ muốn thu vàng tỏa khắp bốn phương).
Hoặc:
Lưu thu khẩn khoản đáo nam đường,
Vị hứa Huyền Minh phỏng cựu đường.
Tứ bích cùng cầm minh tạo hóa,
Bán không nhạn tự điểm văn chương.
Huyền đường kính xứ kinh Tần tái,
Phiên tại lương thời oán Thượng Dương.
Sáng lãng hoài thu châm tố nhưỡng,
Tửu diên chính thị bạn thu phương.
(Giữ thu lại, khẩn khoản đến nhà phía nam,
Chưa cho thần mùa đông hỏi thăm chốn cũ.
Tiếng đàn dế quanh nhà, kêu vang tạo hóa,
Dòng chữ nhạn lưng trời, phê điểm văn chương.
Chỗ giây đàn căng làm cho ải Tấn rung động,
Quạt gặp lúc trời mát, xui người Thượng Dương oán hờn.
Nhớ trời thu trong sáng, rót chén rượu trắng,
Tiệc rượu này chính là nơi núi lấy cảnh thu).

Nhìn chung, thơ ngôn chí của Phan Huy Ích đã hiện một cách thành công chí khí, khát vọng của kẻ sĩ luôn hướng tới hành động với mong muốn phục vụ cống hiến cho đất nước, triều đại đương thời. Sinh ra và thực hành lý tưởng của nhà nho trong buổi tao loạn song ông đã luôn kiên định con đường của mình và tin tưởng vào đấng minh quân mà mình tôn thờ. Ông hướng ngòi bút của mình tới nhân quần, xã hội, chia sẻ những âu lo và chung vui với niềm vui của người dân ở các địa phương, nơi ông có dịp kinh lý.

2.2. Cảm hứng hướng về Tổ quốc

Phan Huy Ích nhận nhiệm vụ đi sứ nhà Thanh vào đầu năm Canh Tuất (1790) với mục đích là tạo quan hệ hòa hiếu giữa hai nước. Đoàn sứ bộ của ta gồm 150 người, ngoài Quốc vương giả còn có Nguyễn Quang Thùy (con trai Quang Trung), Đại tư mã Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích, Đô đốc Nguyễn Duật, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn,… Trong số này, Phan Huy Ích được coi là trọng thần hàng văn. Đoàn đi sứ khởi hành từ ngày rằm tháng 4 và đến ngày 29 tháng 10 cùng năm thì về đến ải Nam Quan. Chuyến đi sứ này được Phan Huy Ích ghi lại khá đầy đủ trong tập thơ *Tinh sa kỷ hành*.

Mở đầu tập thơ, Phan Huy Ích đã ghi lại cảm xúc phơi phới của mình trong lần đầu đi sứ khi phóng tầm mắt xa ngoài vạn dặm một dải non sông gấm vóc và chí hùng tâm tránh chí của kẻ hành đạo:

... Hương quốc ly tình câu xướng bãi,
Lâm loan tễ sắc điểu thanh tần.
Phù dao cửu vạn tài đương thuấn,
Tư đạc sơ trình nhãn giới tân.
(***Xuất quan***)
(… Khúc ly câu ngâm xong gợi tình đất nước,
Tiếng chim kêu hoài rừng núi tạnh quang.
Cánh bằng bay chín vạn dặm trong chớp mắt,
Lần đầu đi sứ tầm mắt mới lạ).
(*Ra cửa ải*)

Tuy vậy, tâm trạng phơi phới ấy ở Phan Huy Ích không nhiều. Nếu như Ngô Thì Nhậm sau này đi sứ đã dành sự quan tâm của mình tới thiên nhiên, phong cảnh đất nước và con người phương Bắc hay vịnh các nhân vật lịch sử của Trung Hoa thì Phan Huy Ích tại hướng nội nhiều hơn. Ngoài một số bài thù tạc đối đáp với Vũ Huy Tấn, số còn lại ông chủ yếu bày tỏ nỗi niềm của một lữ khách tha phương, luôn luôn hướng tấm lòng của mình về quê nhà. Đó là cảm nghĩ buồn nhân ngày sinh nhật phụ thân chạnh lòng về công ơn dưỡng dục:

... Hiếu tư đối việt càn khôn đại,
Công sự chu tư thủy lục mang.
Vạn lý gia hương tần nhập mộng,
Dịch đình thiên hiếu khiếp thu lương.
(***Tiên khảo sinh thời cảm tác***)
(… Lòng hiếu đáp sao được ơn như trời đất của cha mẹ,
Việc công thăm hỏi, lúc đi thủy lúc đi bộ rất vội vàng.
Làng quê vạn dặm luôn luôn thấy trong mộng,
Buổi sớm ở nhà trạm những ghê khí lạnh mùa thu)
(*Cảm nghĩ nhân ngày sinh nhật phụ thân*)
Lòng nhớ quê hương chập chờn năm canh nơi quán khách:
Hàn không nga kính chiếu đình giai,
Thanh ảnh dao tòng quế hải lai.
Thu sắc bán phần mang lý quá,
Hương tâm ngũ dạ mộng trung hồi…

(***Khách quán trung thu***)

(Gương nga trên trời lạnh soi xuống thềm sân,

Bóng trong sáng xa xa từ biển quế tới.

Nửa phần sắc thu đến đang lúc bận rộn,

Năm canh lòng quê về trong giấc chiêm bao…)

(*Trung thu nơi quán khách*)

Ngay cả lúc đăng lầu Hoàng Hạc, ngắm trông phong cảnh đẹp đến vậy nhưng Phan Huy Ích cũng chỉ một mực thể hiện nỗi niềm nhớ quê hương da diết của mình và niềm vui lớn nhất ở ông là sắp được trở về:

Phương thảo tình xuyên cự khứ trình,

Qui biển hỉ tự vũ hàn sinh.

Thu quang tĩnh chiếu lâu tam điệp,

Hương tứ mang tùy nhạn nhất thanh.

Thoan sự thư hồi bưu kỵ mẫn,

Chu tư lộ viễn khách chu hành.

Nam quan bả ác tương kỳ cửu,

Thời phán sơn đài nguyệt sắc minh.

(***Tạc lai Hoàng Hạc lâu hữu thi thiếp ký Ngô binh bộ, kim hồi du tư lâu tái, y tiền vận phi ký***)

(Cỏ thơm sông tạnh, vẫn con đường ngày trước,

Nay xe trở về, lòng mừng tưởng như mọc cánh.

Ánh sáng mùa thu lặng lẽ chiếu vào ba tầng lầu,

Lòng nhớ quê hương vội vã bay theo một tiếng nhạn.

Xong việc báo tin về, ngựa trạm chạy nhanh,

Đường sứ xa xôi, thuyền khách đang đi.

Nhớ khi ở ải Nam Quan, cầm tay hẹn hò nhau,

Thỉnh thoảng lại nhìn bóng trăng ở ngôi đài trên núi.

(*Trước kia, khi lên lầu Hoàng Hạc có làm thơ gửi cho quan Binh bộ Ngô (Thì Nhậm), nay trở về lại lên chơi lầu, bèn họa vần bài trước gửi tặng*)

Dòng Ly giang ở thành phố Quế Lâm tỉnh Quảng Tây vốn nổi tiếng là một dòng sông trữ tình thơ mộng với màu nước xanh biếc, trong vắt và thủy trình uốn lượn trong một địa hình đồi núi rất nên thơ. Vậy mà những dòng ghi lại cảnh thấy trên sông, dường như chúng ta không thấy ở đó hình ảnh của một bậc tao nhân mặc khách thưởng ngoạn sơn thủy hữu

tình. Dầu vậy, những vần thơ như thế này vẫn khá ít trong toàn bộ cuộc dặm trường của thi nhân:

Khê loan kỷ chuyển bích vu hồi,
Lưu thủy dao tòng Quế lĩnh lai.
Dã chử cơ nhàn tần vận động,
Sơn điền lợi sắc bán hoang lai.
Cảo ky xuất thị hàn sương hiểu,
Soa lạp thành thôn khúc ngạn ôi.
Dao huệ phong tinh phi mộc mã,
Nghinh tân xứ xứ thốc giang đài.
(***Ly giang ký kiến***)
(Suối khe mấy khúc xanh biếc quanh co,
Dòng nước xa xa từ núi Quế đến.
Cối gạo ngoài đồng vắng, luôn luôn vận động,
Ruộng núi hoa lợi thấp, phần nửa bỏ hoang.
Áo trắng khăn vải ra chợ lúc sớm sương lạnh,
Áo tơi nón lá thành xóm ở bờ sông cong.
Cờ trước gió rung rinh, con ngựa gỗ, đi như bay,
Đâu đâu cũng dựng đài trên sông để đón khách.
(*Ghi cảnh trông thấy ở sông Ly*)

Ngày đi sứ trở về là ngày ông được vui vầy với đàn con cháu, bỏ lại sau lưng tất cả những mệt mọc dặm trường:

Cố viên tùng trúc thúy y y,
Sóc mạc sương bào khách thủy quy.
Khuê khốn hòa thnah tề cổ sắt,
Đình giai trì xí lạc khiên y.
Phù sinh na đắc mi thường tụ,
Chuyết hoạn hồn như điểu quyện phi.
Điên việt bất phương thành dưỡng lãn,
Túy yêu sơn nguyệt ánh sài phi.
(***Sứ hồi đề sơn gia***)
Vườn xưa tùng trúc vẫn xanh rườm rà,
Người mang áo bào pha sương từ sa mạc phương bắc mới về.

Tiếng hài hòa ở buồng the cùng gảy đàn sắt,
Lũ trẻ thơ ở thềm sân vui mừng níu áo.
Kiếp phù sinh sao được như hươu thường tụ họp,
Kẻ làm quan vụng về, hệt như chim mỏi mệt bay.
Vấp ngã bởi có tính lười cũng chẳng hại gì,
Rượu say mời ánh trăng núi soi xuống cửa liếp.
(*Đi sứ về đề thơ ở quê nhà*)

Nhìn chung, bao trùm và cũng là một khác biệt của thơ đi sứ Phan Huy Ích là cảm hứng tha hương với mong mỏi ngày trở về đoàn tụ. Dọc cuộc hành trình xa xôi ấy, quê nhà đã trở thành một điểm tựa tinh thần to lớn giúp ông vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ với triều đình.

2.3. Khát vọng nhàn tản

Hướng về thiên nhiên và thể hiện sự hòa nhập của thi nhân với thiên nhiên là một nguồn cảm hứng quen thuộc và bất tận trong thơ ca từ cổ chí kim. Trong thời trung đại, các tác giả thiền sư cũng như các tác giả nhà nho đều có nhiều bài thơ thể hiện sinh động hình tượng thiên nhiên hay phong cảnh quê hương đất nước. Đó là lúc thi nhân được hướng lòng mình về với tự nhiên, với cuộc sống thôn dã, phiêu du cùng gió mây, trăng nước, điều khiển cho nhà nho được thanh thản sau bao tất bật quan trường với quốc gia trọng sự:

Một lần qua sông Đại Linh (sông Gianh), ngắm nhìn phong cảnh sông nước lặng tờ với tiếng đò đưa khoan nhặt xa xa nhà thơ đã ghi lại:

Chinh phàm phiếm phiếm quá Gianh hà,
Ủng tiết trung lưu thính trạo ca.
Nhị bách niên lai y đái trở,
Hướng kim nhất vĩ thiếp tình ba.
(***Độ Đại Linh giang***)
Cánh buồm lên đênh qua sông Gianh,
Cầm cờ tiết giữa dòng, nghe khúc đò đưa.
Đã hai trăm năm con sông giải áo ngăn cách,
Mà nay một lá thuyền bình yên trong sóng lặng.
(*Qua sông Đại Linh*)

Trong lúc công cán lo việc chính sự, Phan Huy Ích vẫn tranh thủ hướng lòng mình ra với thiên nhiên để tìm kiếm chút thanh nhàn thư thái:

… Tình lưu triệt để, ngư du kính,
Lục liễu thùy chi, điểu lộng huyền.

Hoạn vị đa tàm hư thiết lộc,

Công mang bất đáo diệm dương thiên.

(***Xuân giang mạn thuật, I***)

… Dòng nước trong tận đáy, cá bơi trong gương,

Cành liễu rủ xuống, bầy chim dạo đàn.

Thường thẹn làm quan ngồi ăn dưng,

Ngày xuân tươi đẹp chẳng lo đến việc công.

(*Thuật cảnh mùa xuân trên sông, I*)

… Biên mao cách ngạn phù viên mật,

Phóng lãm trung lưu trúc phiệt hoàn.

Thanh cảnh chu hồi tần diểu miện,

Giang thiên sảnh giải chiếm dư nhàn.

(***Xuân giang mạn thuật, II***)

… Liếp đan cách bờ vườn trầu kín đáo,

Cởi neo giữa dòng, bè tre quay về.

Phong cảnh thanh nhã xung quanh, luôn được ngắm trông,

Dinh thự giữa trời nước, chiếm được chút thanh nhàn.

(*Thuật cảnh mùa xuân trên sông, II*)

Trong thời gian nương náu do thế cuộc vần xoay không có lợi, cảm hứng nhàn đã giúp cho ông giữ gìn khí tiết thanh cao của một kẻ sĩ hành đạo giữa buổi tao loạn, không bị bụi trần vấy bẩn. Đó là khoảng thời gian giúp cho nhà thơ nuôi dưỡng được cái chí khí của mình để đợi khi có cơ hội sẽ lại tiếp tục trở lại với chính sự. Đây là cảm xúc của mà Phan Huy Ích ghi lại khi lui về ở ẩn tại ấp Thụy (thuộc làng Thụy Khuê, Sơn Tây):

Hoàng đạo thanh di phượng lịch tân,

Sơn thôn tiêu tán vị tri xuân.

Cố viên thạch kính sinh hoang tiến,

Thâm hạng bồng phi cách tục trần.

Đạm chươc cưỡng thù nguyên thủy tiết,

U thê lánh tác hạo hy nhân.

Bái niên tư triển hoan tông hậu,

Nhàn nhiếp sương nhiêm lãm kính tần.

(***Kỷ dậu xuân chính tức sự***)

Vận lớn gặp buổi thanh bình, lịch phượng đổi mới,

Xóm núi tiêu điều, chưa thấy mầu xuân tới.
Con đường đá nhỏ ở vườn cũ mọc đầy cỏ dại,
Cửa bồng trong ngõ sâu cách biệt bụi trần.
Rót chén rượu nhạt gượng thù tiếp tiết đầu tiên trong năm,
Lánh ở nơi u vắng. lại thành dân thường đời minh thịnh.
Sau khi mừng tuổi, riêng lòng mở ra niềm hân hoan,
Ngồi nhàn, chốc chốc soi gương nhổ sợi râu bạc.
(*Thơ tức sự vào đầu mùa xuân năm Kỷ dậu 1789*)

Xuân Nhâm Tí (1792) nhân họa đáp thơ ông Bùi Uông Đại là tham mưu tùy giảng ở Phiên Phú, Phan Huy Ích đã thể hiện niềm vui của một người an nhàn gửi lòng mình vào rừng suối, cỏ cây và làm những công việc mà bản thân thi nhân thích thú:

Hiên cái phân hiêu yếm tục duyên,
Nhàn tâm nhất phiến ký lâm tuyền.
Văn quân trúc kính phong quang túc,
Cố ngã Sài am ngụ mị huyền.
Thái Hạo, Câu Mang xuân kỷ hứa,
Chung Nam, Thiều Thất cổ thường nhiên.
Sơn cư cánh hữu y bần thú,
Liêm ngoại đài hoa mãn địa tiền.
(**Nhâm Tí họa đáp Phiên Phủ tùy giảng tham mưu Uông Đại Bùi hầu**)
Xe lọng ồn ào, chán với duyên trần tục,
Một tấm lòng nhàn, gửi vào nơi rừng suối.
Nghe nói bác ở trong đường trúc phong quang cũng đầy đủ,
Tự nghĩ tôi lúc thức lúc ngủ vẫn mong cái nhà ở núi Sài.
Hỏi thần Thái Hạo, Câu Mang xuân có được mấy ngày?
Song cảnh Chung Nam, Thiều Thất từ xưa vẫn thường thế.
Ở trong núi lại có thủ chữa được bệnh nghèo,
Ngoài rèm hoa rêu như đồng tiền đầy mặt đất.
(*Xuân Nhâm Tí 1792 họa đáo thơ ông Bùi Uông Đại là tham mưu tùy giảng ở Phiên Phú*)

Cuối đời, Phan Huy Ích trở về với đạo Lão, ông dựng một ngôi nhà vuông ở kinh đô, đặt tên là quán Bảo Chân và lấy đạo hiệu là Bảo Chân đạo nhân, với ý mong muốn tu dưỡng

giữ nguyên chân tính của mình trước tục lụy:

Lý đoan thấu hội, nguyệt doanh đường,
Vật tưởng tiêu ma tuyết tát đường.
Bành Trạch cảm hy Đào Tĩnh Tiết,
Kính hổ do tiễn Hạ Tri Chương.
Chất đồng cổ bách lăng sương hậu,
Tâm tự nhàn vân phát lĩnh dương.
Quân tử đề cung, qui củ phạm,
Khởi tu liêu khuếch thuyết du phương.
Đầu mối đạo lý thấy rõ như trăng soi khắp nhà,
Mơ tưởng dục vọng tiêu tan như tuyết rắc trên đường.
Dám mong như Đào Tĩnh Tiết ở Bành Trạch,
Vẫn muốn như Hạ Tri Chương với Kính hồ.
Chất như cây bách già đã vượt qua mùa sương,
Lòng tựa áng mây nhàn đi ra từ phía nam núi.
Quân tử giữ mình cho đúng khuôn phép,
Cần gì phải nói những chuyện viển vông xa xôi.

Nhìn chung, mặc dù được xác lập trên tư cách của một nhà nho hành đạo song cũng tương tự như một số tác giả khác, Phan Huy Ích đã có nhiều lần thể hiện niềm cảm hứng hướng ra thiên nhiên, gửi gắm ký thác tâm sự của kẻ sĩ muốn được an nhàn. Tiến hành khảo sát 288 bài thơ chữ Hán của Phan Huy Ích được tuyển dịch, chúng tôi thấy có đến 17 lần ông trực tiếp nhắc tới chữ *nhàn* (chiếm 5,90) và 08 lần sử dụng điển gắn với tên người ẩn dật (chiếm 2,77%) song tất nhiên không phải ở trường hợp nào Phan Huy Ích cũng chia sẻ và hướng tới sự chọn lối sống ẩn như những nhân vật được nhắc tới đó. Trong khi đó, nhiều nhà nho ẩn dật lại coi lối sống nhàn, ẩn dật là một phương châm, triết lý sống của mình. Đó chính là sự khác biệt căn bản giữa những nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật trong việc thể hiện cảm hứng hướng về thiên nhiên, khát vọng nhàn tản mà chúng tôi đã có dịp nhắc tới ở một số bài viết của mình.

3. KẾT LUẬN

Qua những sáng tác thơ chữ Hán, Phan Huy Ích đã thể hiện được một cách thành công các phương diện vẻ đẹp con người cá nhân của mình, từ cảm hứng thế sự đến những vần thơ luôn hướng về Tổ quốc khi dặm trường sứ hành hay cảm hứng hướng về thiên nhiên với niềm khát vọng tiêu du, nhàn tản,… Đây là những nội dung cơ bản đã được chúng tôi chỉ ra trong báo cáo. Tài năng và tâm huyết như ông, ví thử ở vào một tình huống khác có thể sự ghi dấu sẽ còn rõ rệt hơn song với những quy định của lịch sử, Phan Huy Ích đã lựa chọn

một hướng đi cho riêng mình, đã dấn thân và ông hoàn toàn xứng đáng với tư cách một nhà nho hành đạo điển hình của lịch sử văn học dân tộc mười thế kỷ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lộc (2004), "*Phan Huy Ích*", Từ điển văn học, Nxb. Thế giới, tr.1386-1387, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Nhuận (1996), *Nghiên cứu và đánh giá văn bản thơ văn bang giao, đi sứ của Phan Huy Ích*, Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
3. Lê Văn Tấn (2016), "Ngô Thì Nhậm: Nhà nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4, Hà Nội.
4. Hoàng Hữu Yên (2003), "*Phan Huy Ích*", Từ điển tác giả tác phẩm văn học Việt Nam dùng trong nhà trường, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.601-602, Hà Nội.

POETRY IN HAN LANGUAGE (CLASSIC CHINESE) BY PHAN HUY ICH: INSPIRATION TOWARDS WAY OF LIFE, COUNTRY AND LEISURELY DESIRE

Abstract: *Phan Huy Ich (1751-1822) was one of the great writers of Vietnamese medieval literature. He took the examination and became a mandarin of Le Dynasty; however, he got the highest position in Tay Son Dynasty as Minister of Rites. He left a total of 531 poems written in Han with a variety of contents. Through these poems, the author had a chance of expressing his positive time view; leaving a thought of a confucian scholar who was always enthusiastic with his dynasty and country as well as the beauty of the soul of a poet towards nature with leisure desire. Since then, his Chinese poetry has become a place to send and entrust valuable ideological inspirations not only of an era but it has also been and forever be the sympathy of the scholar.*

Keywords: *Phan Huy Ich, poetry in Han language (classic Chinese), medieval literature, Inspiration towards way of life, country inspiration, leisurely desire.*